

MỨC ĐỘ TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Lê Thị Huyền Trinh

Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Trí tuệ cảm xúc được xem là nhân tố dự đoán sự thành công và là nhân tố mang lại hạnh phúc cho con người nên có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển của sinh viên đặc biệt là sinh viên điều dưỡng. Bài báo đề cập đến mức độ trí tuệ cảm xúc và tìm hiểu một số nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. 420 sinh viên đại học điều dưỡng chính quy trường đại học điều dưỡng Nam Định được làm test trắc nghiệm EQ của Bar-On (1997). Phân tích kết quả cho thấy: Trí tuệ cảm xúc của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy đa số ở mức trung bình (78,1%), tỷ lệ kém (4,3%), mức cao (17,6%). Năng lực nhận thức và bày tỏ cảm xúc của sinh viên tốt hơn năng lực thấu hiểu và quản lý cảm xúc bản thân. Các nguyên nhân được sinh viên đánh giá là có ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc: cao nhất là giáo dục của gia đình và nhu cầu, mong muốn nâng cao trí tuệ cảm xúc của bản thân; thấp nhất là nghề nghiệp của cha mẹ và di truyền từ cha mẹ. Kết quả này là tài liệu tham khảo cho sinh viên và nhà trường có kế hoạch phù hợp giúp sinh viên tăng cường năng lực trí tuệ cảm xúc.

Từ khóa: *Trí tuệ; trí tuệ cảm xúc; EQ; trí tuệ cảm xúc sinh viên; sinh viên đại học điều dưỡng chính quy.*

Ngày nhận bài: 16/9/2019; Ngày hoàn thiện: 26/11/2019; Ngày đăng: 27/3/2020

LEVEL OF EMOTIONAL INTELLIGENCE AMONG FULL-TIME STUDENTS AT NAM DINH UNIVERSITY OF NURSING

Le Thi Huyen Trinh

Nam Dinh University of Nursing

ABSTRACT

Emotional intelligence is considered as a predictor of success and a factor that brings happiness to people, therefore it is important in the development process of students, especially nursing students. The article deals with the level of emotional intelligence and explores some of the causes affecting the emotional intelligence development of full time nursing students at Nam Dinh University of Nursing. 420 full time nursing students at Nam Dinh University of Nursing were tested using Bar-On EQ test (1997). The results showed that: EQ level of the students are mostly at average level (78.1%), low level (4.3%), high level (17.6%). Students' ability to perceive and express their emotions is better than their ability to understand and manage their emotions. According to the students, the most influential factors influencing the development of their emotional intelligence is family education and their own need and desire to improve emotional intelligence; the least influential one is occupations of their parents and the biological inheritance. This result served as a reference for students and the university to have an appropriate plan for strengthening students' emotional intelligence.

Keywords: *Intelligent; emotional intelligence; students' emotional intelligence; EQ; full-time nursing students.*

Received: 16/9/2019; Revised: 26/11/2019; Published: 27/3/2020

Email: huyentrinhdhdd@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>; Email: jst@tnu.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ cảm xúc là một thành tố trí tuệ mới được phát hiện và nghiên cứu trong khoảng gần ba thập kỷ trở lại đây. Nó nhanh chóng nhận được sự chú ý của các nhà chuyên môn, được xem là nhân tố dự đoán sự thành công và là nhân tố mang lại hạnh phúc cho con người [1], [2]. Về cơ bản, trí tuệ cảm xúc (TTCX) là một dạng trí thông minh thể hiện việc nhận thức đúng về tình cảm, điều khiển các cảm xúc của mình và của người khác. TTCX được hình thành trong những năm đầu của cuộc đời và tiếp tục phát triển cho đến khi trưởng thành. Khác với trí thông minh, năng lực TTCX của mỗi cá nhân có thể dễ dàng thay đổi nhờ việc học tập và rèn luyện tích cực [1], vì vậy việc học hỏi để hiểu biết và phát triển những khả năng về cảm xúc ở giai đoạn đang học tập về chuyên môn và nghiệp vụ của sinh viên sẽ giúp sinh viên tự tin và bản lĩnh trong nghề nghiệp tương lai [3].

Các nghiên cứu về TTCX trong nước tập trung chủ yếu ở đối tượng giáo viên tiểu học và sinh viên ngành sư phạm [3]-[7]; một số nghiên cứu trên đối tượng học sinh trung học phổ thông. Các nghiên cứu trên đối tượng sinh viên ngành Y đặc biệt là sinh viên điều dưỡng còn rất ít [8], [9]. Trong khi đó đặc trưng công việc của các điều dưỡng tương lai là hàng ngày chăm sóc đối tượng đặc biệt – những bệnh nhân, luôn đòi hỏi ở điều dưỡng sự kiên trì, nhiệt huyết, đặc biệt phải biết điều khiển cảm xúc cá nhân. Chính vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu về trí tuệ cảm xúc của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định với mục tiêu: Khảo sát mức độ trí tuệ cảm xúc và tìm hiểu một số nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy Trường Đại học Điều dưỡng (ĐHDD) Nam Định.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng, thời gian, địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành trên sinh viên đại học điều dưỡng chính quy năm 1, 2, 3, 4 của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1/2018 đến tháng 12/2018, thu thập số liệu tháng 6/2018.

2.2. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

2.3. Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu

2.3.1. Cỡ mẫu

Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả 1 tỷ lệ trong cộng đồng:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

Z_{1-a/2}: Giá trị Z thu được từ bảng Z tương ứng với giá trị a; lấy Z = 1,96 với a = 0,05.

p: ước lượng tỷ lệ biến nghiên cứu chính trong quần thể, trong nghiên cứu này chọn p = 0,27. Giá trị p trong nghiên cứu này tính dựa theo kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Thị Thu Mai. Theo đó tỷ lệ sinh viên có chỉ số EQ mức độ cao và rất cao là 26,7% [3].

d: Khoảng sai lệch mong muốn. Trong nghiên cứu này chọn d = 0,06.

Thay vào công thức trên tính được n = 210, vì lấy mẫu nhiều giai đoạn để giảm sai số do chọn mẫu cỡ mẫu cần được nhân với hệ số thiết kế (De = 2), cộng thêm 10% đối tượng có thể từ chối tham gia nghiên cứu, cỡ mẫu cuối cùng lấy tròn là: n = 463.

2.3.2. Tiêu chuẩn chọn mẫu

- Tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng: là sinh viên đại học điều dưỡng chính quy năm 1, 2, 3, 4 đang học tập tại Trường ĐHTN Nam Định.

- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu, sinh viên không có mặt vào thời điểm nghiên cứu.

2.3.3. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu nhiều giai đoạn

Chọn được 463 sinh viên của 8 lớp tương ứng mỗi khối chọn 2 lớp sinh viên trong tổng số 2437 sinh viên đại học điều dưỡng chính quy của nhà trường. Sau khi thu thập số liệu, loại bỏ các phiếu không đủ tiêu chuẩn do không làm hoàn chỉnh trắc nghiệm, chúng tôi thu được 420 phiếu.

2.4. Công cụ thu thập số liệu

Chỉ số TTCX được xác định bằng bài test của Bar-On (1997) dùng cho người lớn từ 16 tuổi trở lên. Bản dịch do PGS. TS Mai Văn Hưng dịch và sử dụng trong luận văn thạc sỹ Nguyễn Thị Thu Hương (2013) [10]. Từ đây, chúng tôi đồng nhất thuật ngữ “chỉ số trí tuệ cảm xúc” bằng chỉ số EQ (chữ viết tắt của Emotional Quotient).

Bài trắc nghiệm gồm 30 câu:

- Từ câu 1 đến câu 22 là những câu được xây dựng có nội dung nhằm đo lường năng lực nhận thức cảm xúc và bày tỏ cảm xúc hợp lý trong các hoàn cảnh khác nhau trong đó bao gồm các câu hỏi có nội dung đo lường: sự hiểu biết chính mình (năng lực tự nhận biết mình, năng lực tự khẳng định, quyết đoán và năng lực đánh giá mình một cách lạc quan), quan hệ với người khác (năng lực đồng cảm, năng lực thực hiện các trắc nghiệm xã hội).

- Từ câu 23 đến câu 30 là những câu có nội dung đo lường khả năng thấu hiểu cảm xúc bản thân, khả năng quản lý cảm xúc và hành động có hiệu quả, trong đó bao gồm các câu hỏi đo lường: Khả năng kiểm soát quản lý stress (kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng đánh giá đúng thực tiễn), kỹ năng thích ứng (kỹ năng chịu stress, năng lực kiểm soát xung tình), biểu hiện tâm trạng (khả năng giữ tâm trạng lạc quan, hạnh phúc).

Mỗi đối tượng làm phiếu trắc nghiệm sẽ được phát test Bar-on và một phiếu trả lời trắc nghiệm để làm bài hoàn toàn độc lập. Thời gian làm bài là 30 phút. Mỗi câu trả lời đúng 1 điểm, điểm tối đa là 30 và điểm thấp nhất là 0, điểm trung bình là 15 điểm.

Mức độ điểm đạt được của nghiệm thể được so sánh và phân loại theo các tiêu chuẩn ở bảng 1.

Bảng 1. Tiêu chuẩn đánh giá về trí tuệ cảm xúc

STT	Mức điểm	Trung bình	Đánh giá
1	0-10	5	Kém
2	11-20	15	Trung bình
3	21-30	25	Cao

2.5. Thu thập thông tin

- Phương pháp thu thập thông tin: Sau khi chọn được đối tượng nghiên cứu như quy trình, chúng tôi kiểm tra lịch học của các lớp đã được chọn ngẫu nhiên và xuống trực tiếp các lớp hướng dẫn cách thực hiện. Các điều tra viên nêu nội dung cơ bản, mục đích của nghiên cứu, nếu sinh viên tự nguyện, mỗi em sẽ được phát test Bar-on, một phiếu trả lời trắc nghiệm để làm bài hoàn toàn độc lập. Sau thời gian hoàn thành trắc nghiệm, các em gửi lại điều tra viên.

- Xử lý số liệu: Số liệu sau khi thu thập sẽ được nhập vào phần mềm Epidata 3.1. Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý số liệu với các chỉ số giá trị trung bình, sai số, độ lệch chuẩn, p, r...

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khái niệm trí tuệ cảm xúc

Trí tuệ cảm xúc là một vấn đề còn mới mẻ, phức tạp đã và đang được nghiên cứu sâu rộng. Cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về trí tuệ cảm xúc. Tuy nhiên, nhìn tổng quát có thể nhận ra hai dòng quan niệm tiêu biểu về trí tuệ cảm xúc. Quan niệm trí tuệ cảm xúc theo kiểu thuần năng lực tâm thần: Đại diện là P. Salovey và J. Mayer với định nghĩa: “Trí tuệ cảm xúc là năng lực nhận biết và bày tỏ cảm xúc; hòa cảm xúc vào suy nghĩ; hiểu và suy luận với cảm xúc; điều khiển, quản lý cảm xúc của mình và của người khác” [11]. Theo Quan niệm trí tuệ cảm xúc theo kiểu hỗn hợp: R. Bar-On và D. Goleman là 2 đại diện với quan niệm dựa trên cơ sở hiểu biết cảm xúc và xã hội có ảnh hưởng đến khả năng đối phó có hiệu quả của con người đối với môi trường và hoàn cảnh. R. Bar-On cho rằng: “Trí tuệ cảm xúc là một dãy các năng lực phi nhận thức và những kỹ năng có ảnh hưởng đến khả năng thành công của một người trong hoàn cảnh người đó phải đương đầu với những yêu cầu và sức ép từ môi trường” [12].

Như vậy, các cách tiếp cận trên đã đưa ra các định nghĩa khác nhau về trí tuệ cảm xúc, từ đây sẽ làm nảy sinh các mô hình trí tuệ cảm xúc khác nhau. Về cơ bản, các tác giả nhất trí xem trí tuệ cảm xúc có liên quan đến những năng lực nhận biết và điều khiển các cảm xúc của mình và của người khác. Trong khuôn khổ của đề tài, chúng tôi không đưa ra nhận xét về quan niệm của nhóm nghiên cứu nào. Chúng tôi lựa chọn quan niệm của R. Bar-On và dựa trên bài test của Bar-On (1997) dùng cho người lớn từ 16 tuổi trở lên để nghiên cứu.

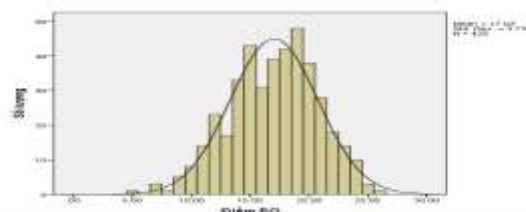
3.2. Thực trạng trí tuệ cảm xúc của sinh viên đại học điều dưỡng Nam Định

3.2.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

420 sinh viên đại học điều dưỡng chính quy được chọn làm đối tượng nghiên cứu có đặc điểm như sau: Nữ chiếm 91,2%; nam: 8,8%. Nơi thường trú trước khi vào đại học: Nông thôn chiếm 85,7%; thành phố chiếm 14,3%. Sinh viên được nghiên cứu phân bố đều ở tất cả các năm (năm thứ 1: 22,9%; năm thứ 2: 27,4%; năm thứ 3: 28,1%; năm thứ 4: 21,7%).

3.2.2. Mức độ trí tuệ cảm xúc của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Điểm số bài test EQ của sinh viên được thể hiện trên Hình 1.



Hình 1. Giá trị trung bình và độ sai lệch chuẩn EQ của sinh viên

Biểu đồ 1 cho thấy điểm số EQ của sinh viên trung bình là 17,3 với độ sai lệch chuẩn là 3,73. Mức điểm EQ phân bố tương đối tập trung. EQ có điểm số thấp nhất là 5 và cao nhất là 26 điểm.

Căn cứ vào điểm EQ mà sinh viên đạt được, so sánh với bảng tiêu chuẩn đánh giá về trí tuệ cảm xúc, chúng tôi phân loại EQ của sinh viên, kết quả thu được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Phân loại EQ của sinh viên

Mức độ của EQ (Điểm số)	n	Tỷ lệ (%)
Mức độ kém (EQ từ 0-10)	18	4,3
Mức độ trung bình (EQ từ 11-20)	328	78,1
Mức độ cao (EQ từ 21-30)	74	17,6
Tổng số	420	100,0

Bảng 2 cho thấy EQ của sinh viên Đại học Điều dưỡng Nam Định đa phần thuộc mức trung bình chiếm 78,1%. Tỷ lệ EQ ở mức kém rất thấp chỉ chiếm 4,3%, EQ mức cao chiếm 17,6%.

Tính theo các năm học, sinh viên giữa các khóa có chỉ số EQ khác biệt, số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3. Giá trị trung bình EQ theo khóa của sinh viên (N=420)

Sinh viên năm thứ	n	Điểm EQ			Sai số chuẩn (SD)
		Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình ($\bar{X}$)	
1	96	7,0	25,0	16,8	3,6
2	116	7,0	25,0	17,5	3,8
3	117	7,0	26,0	16,1	3,6
4	91	5,0	25,0	17,8	3,7

Giá trị trung bình EQ của sinh viên năm 1-4 từ 16,1 đến 17,8 điểm. EQ của nhóm sinh viên năm thứ tư cao nhất (17,8) và thấp nhất là nhóm sinh viên năm ba (16,1).

Như vậy, khi phân loại mức độ EQ theo khóa, chúng tôi thu được kết quả như trong bảng 4.

Bảng 4. Phân loại mức độ EQ theo khóa của sinh viên (N=420)

Sinh viên năm thứ	Phân loại mức độ EQ			Tổng số	P
	Kém	Trung bình	Cao		
1	n 3 % 3,1	78 81,3	15 15,6	96 100,0	0,013
2	n 7 % 6,0	81 69,8	28 24,1	116 100,0	
3	n 7 % 6,0	100 85,5	10 8,5	117 100,0	
4	n 1 % 1,1	69 75,8	21 23,1	91 100,0	
Tổng số	N 18 % 4,3	328 78,1	74 17,6	420 100,0	

Nhóm sinh viên năm thứ tư: EQ mức kém chiếm tỷ lệ thấp nhất 1,1%, EQ mức cao chiếm 23,1%. Sự khác biệt về EQ giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê với $p = 0,013$.

Khi tìm hiểu giá trị EQ theo các thành tố cảm xúc, chúng tôi nhận thấy 2 thành tố cảm xúc ở sinh viên cho kết quả khác nhau. Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 5.

Bảng 5. Giá trị của EQ theo thành tố cảm xúc

Thành tố cảm xúc	n	Điểm EQ			Sai số chuẩn (SD)
		Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình ($\bar{X}$)	
Năng lực nhận thức và bày tỏ cảm xúc (câu 1-22)	420	5	19	13,1	2,62
Khả năng thấu hiểu và quản lý cảm xúc bản thân (câu 23-30)	420	0	8	4,0	1,77

Năng lực nhận thức cảm xúc và bày tỏ cảm xúc hợp lý trong các hoàn cảnh khác nhau của sinh viên điều dưỡng có điểm trung bình là 13,1. Điểm thấp nhất là 5, cao nhất 19 với độ sai số 2,62. Khả năng thấu hiểu cảm xúc bản thân, quản lý cảm xúc và hành động có hiệu quả của sinh viên điều dưỡng có điểm trung bình là 4. Điểm thấp nhất là 0, cao nhất 8 với độ sai số 1,77.

3.3. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến chỉ số EQ

Tìm hiểu các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc rất quan trọng để nâng cao EQ của mỗi cá nhân. Chúng tôi sử dụng bảng hỏi sinh viên các nguyên nhân mà các em cho rằng có ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của bản thân, kết quả thu được được thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của sinh viên Đại học Điều dưỡng Nam Định

TT	Các nguyên nhân ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng (%)					Giá trị trung bình	Thứ bậc
		Rất nhiều	Nhiều	Trung bình	Ít	Không ảnh hưởng		
1	Chưa có tri thức, hiểu biết về EQ	3,5	18,5	49,9	23,2	5,0	3,0773	13
2	Chưa nhận thức vai trò của EQ trong hoạt động sống và công việc	5,2	31,1	44,3	17,2	2,2	2,8010	10
3	Nhu cầu, mong muốn nâng cao EQ	24,8	48,4	20,8	4,6	1,5	2,0962	2
4	Chưa biết các phương pháp luyện tập để nâng cao EQ	12,0	41,3	32,9	12,8	1,0	2,4949	6
5	Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động có tính tập thể ở trường, xã hội	15,9	45,2	31,0	7,7	0,2	2,3127	3
6	Phạm vi mối quan hệ còn bó hẹp chủ yếu trong nhà trường	9,8	33,5	41,5	14,5	0,8	2,6300	7
7	Ít tiếp xúc, va chạm, trải nghiệm với cuộc sống xã hội	23,1	34,6	27,1	13,7	1,5	2,3582	4
8	Ảnh hưởng của nhóm bạn thân	7,2	32,8	40,0	16,4	3,5	2,7612	9
9	Di truyền từ cha mẹ	6,5	22,9	34,8	24,9	10,9	3,1095	14
10	Nội dung các môn học trong nhà trường	3,6	29,6	44,6	18,4	3,8	2,8929	12
11	Phong cách dạy và giao tiếp của giáo viên	6,2	30,4	43,6	16,1	3,7	2,8069	11
12	Nghề nghiệp của cha mẹ	2,7	15,3	37,6	27,7	16,6	3,4010	15
13	Các hoạt động tập thể trong nhà trường	6,8	38,2	36,7	15,8	2,5	2,6910	8
14	Giáo dục gia đình: cách cư xử, thể hiện tình cảm...	32,1	47,8	13,7	5,2	1,2	1,9577	1
15	Hoàn cảnh sống	19,3	36,6	31,3	10,5	2,3	2,3985	5

Bảng 6 cho thấy: Nhóm các nguyên nhân được đánh giá có ảnh hưởng nhất đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của sinh viên là giáo dục gia đình. Có đến 32,1% và 47,8% sinh viên cho rằng nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức rất nhiều và nhiều đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của các em. Xếp vị trí thứ hai là nguyên nhân nhu cầu, mong muốn nâng cao trí tuệ cảm xúc, trong đó có 24,8% và 48,4% sinh viên đánh giá nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức độ rất nhiều và nhiều; chỉ có 4,6% và 1,5% sinh viên nhận định nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức độ ít và không ảnh hưởng.

Nguyên nhân được cho là ảnh hưởng ít nhất đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của sinh viên là nghề nghiệp của cha mẹ, kế đến là nguyên nhân di truyền từ cha mẹ. Chỉ có 18% sinh viên cho rằng nghề nghiệp của cha mẹ ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của các em ở mức nhiều và rất nhiều.

4. Bàn luận

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Kết quả cho thấy đối tượng nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu là nữ chiếm 91,2%, do đặc thù ngành điều dưỡng nên sinh viên là nữ chiếm tới 90,7% tổng số sinh viên đại học

chính quy của nhà trường (số liệu cung cấp từ phòng Công tác học sinh sinh viên, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm 2018). Nơi thường trú trước khi vào đại học của sinh viên đa phần ở nông thôn chiếm 85,7%. Theo số liệu được cung cấp từ phòng công tác học sinh sinh viên, sinh viên đại học chính quy của Nhà trường chủ yếu ở nông thôn.

4.2. Mức độ trí tuệ cảm xúc của sinh viên trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Dựa trên cách phân loại trí tuệ cảm xúc, theo biểu đồ 1 cho thấy điểm số EQ của sinh viên trung bình là 17,3 với độ sai lệch chuẩn là 3,73; mức độ trí tuệ cảm xúc thuộc mức trung bình. Bảng 2 phân loại điểm số, trí tuệ cảm xúc của sinh viên ở mức trung bình chiếm 78,1%; 17,6% ở mức cao và chỉ có 4,3% ở mức kém.

Kết quả của chúng tôi cao hơn không đáng kể kết quả nghiên cứu trên sinh viên điều dưỡng trong nước và thế giới. Kết quả nghiên cứu của Phan Thị Sương về trí tuệ cảm xúc sinh viên điều dưỡng Đại học Duy Tân năm 2018 ở mức trung bình chiếm 74%, ở mức cao chiếm 26% [9]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Hiền trên sinh viên khoa Răng hàm mặt và khoa Y học dự phòng của Đại học Hải Phòng năm 2014 cho thấy, EQ nhóm cao chiếm một tỷ lệ

rất nhỏ: 0,5%; 30,2% sinh viên có điểm EQ xếp vào loại trung bình và 54,9% sinh viên có điểm EQ xếp vào loại dưới trung bình; có 14,42% sinh viên có điểm EQ xếp vào loại rất thấp [8]. Theo nghiên cứu của Heba Abdel-Fatah Ibrahim và cộng sự năm 2016 tại khoa điều dưỡng, Đại học Benha, Ai Cập; có 70,40% sinh viên có mức độ thông minh cảm xúc ở mức trung bình [13].

So với sinh viên (SV) học các ngành khác như ngành Sư phạm, kết quả của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao năm 2012: đa số sinh viên ngành sư phạm Trường Đại học Sài Gòn (ĐHSG) có TTCX ở mức trung bình và trên trung bình (TB), chiếm tỉ lệ (71,5%); TTCX ở mức độ cao (3,9%). Tuy nhiên, có 24,8% sinh viên ngành sư phạm Trường ĐHSG có TTCX kém [4]. Kết quả của chúng tôi cũng cao hơn nghiên cứu của Trần Thị Thu Mai trên sinh viên Sư phạm Đại học thành phố Hồ Chí Minh, TTCX mức trung bình 68,8% ở mức cao là 26,7%, ở mức thấp chiếm 4,5% [3]. Kết quả của chúng tôi cũng cao hơn nghiên cứu của Phan Trọng Nam trên sinh viên Sư phạm Đồng Tháp năm 2007, TTCX mức trung bình 61,25% ở mức cao là 11,25%, ở mức thấp chiếm 27,5% [5].

So với kết quả đo lường TTCX của giáo viên và người lao động trẻ Việt Nam, từ năm 2002 – 2006 (theo nghiên cứu của đề tài KX 05 – 05) [7], EQ của giáo viên Việt Nam ở mức trung bình và trên trung bình chiếm tỉ lệ (78,3%); ở mức độ cao (7,2%); mức kém (14,5%). EQ của lao động trẻ Việt Nam ở mức trung bình và trên trung bình chiếm tỉ lệ (67,9%); ở mức độ cao (6,3%); mức kém (25,8%) [7]. Như vậy, kết quả nghiên cứu EQ sinh viên Điều dưỡng Nam Định tương tự EQ của giáo viên Việt Nam, cao hơn EQ của lao động trẻ.

Khi phân loại EQ theo khóa học, bảng 3 và 4 cho thấy giá trị trung bình EQ của sinh viên năm 1-4 từ 16,1 đến 17,8. EQ của nhóm năm thứ tư là 17,8 cao nhất và cao hơn EQ trung bình chung của nghiên cứu đồng thời trong nhóm này EQ mức kém chiếm tỷ lệ thấp nhất 1,1%, mức cao chiếm tỷ lệ tương đối cao 23,1%. Sự khác biệt về EQ giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê với $p = 0,013$. Tuy nhiên, điểm EQ giữa các khóa của sinh viên không thể hiện xu hướng phát triển tăng hay giảm dần theo khóa học mà phân bố không theo

quy luật. So sánh với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Thu Mai: TTCX ở mức TB của SV năm 2 cao hơn mức độ TTCX ở mức TB của SV năm 4, sự khác biệt có ý nghĩa giữa các khối lớp năm 2 và năm 4 về mức độ TTCX của SV ($P = 0,000$) [3]. Theo nghiên cứu của Phan Thị Sương trên sinh viên Điều dưỡng Đại học Duy Tân, sinh viên năm 1 có mức độ chỉ số cảm xúc cao hơn sinh viên năm 3, tuy nhiên sự khác biệt về chỉ số cảm xúc giữa các khối lớp chưa có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) [9]. Như vậy có thể thấy, mức độ EQ của sinh viên ở các khóa học có sự khác nhau nhưng không thể hiện xu hướng chung nào, có thể sự khác biệt là mang tính ngẫu nhiên và do yếu tố khách quan mang lại.

Bảng 5 phân loại EQ theo thành tố cảm xúc cho kết quả: Năng lực nhận thức cảm xúc và bày tỏ cảm xúc hợp lý trong các hoàn cảnh khác nhau của sinh viên điều dưỡng có điểm trung bình là 13,1. Điểm thấp nhất là 5, cao nhất 19 với độ sai số 2,62. Khả năng thấu hiểu cảm xúc bản thân, quản lý cảm xúc và hành động có hiệu quả của sinh viên điều dưỡng có điểm trung bình là 4. Điểm thấp nhất là 0, cao nhất 8 với độ sai số 1,77. Với điểm trung bình của thành tố 1 tương đối cao này thể hiện sinh viên điều dưỡng có sự hiểu biết chính mình (năng lực tự nhận biết mình, năng lực tự khẳng định, quyết đoán và năng lực đánh giá mình một cách lạc quan), quan hệ với người khác (năng lực đồng cảm, năng lực thực hiện các trách nhiệm xã hội) khá tốt. Tuy nhiên, khả năng kiểm soát quản lý stress (kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng đánh giá đúng thực tiễn), kỹ năng thích ứng (kỹ năng chịu stress, năng lực kiểm soát xung tính), biểu hiện tâm trạng (khả năng giữ tâm trạng lạc quan, hạnh phúc) lại chưa tốt, cá biệt có những bạn điểm EQ phần này là 0 chứng tỏ sự kiểm soát và thể hiện cảm xúc rất kém. Mà điều này rất quan trọng với công việc nghề nghiệp sau này. Đây cũng là tình trạng chung của sinh viên khi chưa được rèn luyện trong môi trường làm việc. Nghiên cứu của Trần Thị Thu Mai [3], Nguyễn Ngọc Quỳnh Dao [4] cũng cho kết quả tương tự năng lực nhận biết cảm xúc, hiểu biết cảm xúc, cảm xúc hóa tư duy xếp cao hơn năng lực điều khiển, quản lý cảm xúc của SV.

4.3. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến chỉ số EQ

Chúng tôi đưa ra 15 nguyên nhân ảnh hưởng

đến chỉ số EQ để sinh viên lựa chọn theo 5 mức độ ảnh hưởng: rất nhiều, nhiều, trung bình, ít và không ảnh hưởng được chấm điểm tương ứng từ 1 đến 5. Theo đó, mức điểm từ 1 – 2,5 là mức cao; 2,6 đến 3,5 là mức trung bình; 3,6 – 5 là mức thấp.

Trong 15 nguyên nhân đưa ra thì các nguyên nhân có thứ tự từ 1 đến 7 là những nguyên nhân chủ quan bao gồm: chưa biết phương pháp tập luyện để nâng cao trí tuệ cảm xúc; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động ở trường, xã hội; nhu cầu, mong muốn nâng cao trí tuệ cảm xúc; chưa nhận thức được vai trò của trí tuệ cảm xúc trong hoạt động sống, công việc; chưa có tri thức, hiểu biết về trí tuệ cảm xúc; phạm vi mối quan hệ còn bó hẹp chủ yếu trong nhà trường; ít tiếp xúc, va chạm, trải nghiệm với cuộc sống xã hội. Các nguyên nhân có thứ tự từ 8 đến 15 là những nguyên nhân khách quan bao gồm: ảnh hưởng của nhóm bạn thân; di truyền từ cha mẹ; nội dung các môn học trong nhà trường; phong cách dạy và giao tiếp của giáo viên; nghề nghiệp của cha mẹ; các hoạt động tập thể trong nhà trường; giáo dục gia đình: cách cư xử, thể hiện tình cảm; hoàn cảnh sống.

Kết quả bảng 6 cho thấy:

- Nhóm các nguyên nhân được đánh giá có ảnh hưởng nhất đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của sinh viên là giáo dục gia đình. Có đến 32,1% và 47,8% sinh viên cho rằng nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức rất nhiều và nhiều đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của các em. Chỉ có 6,4% sinh viên cho rằng nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức độ ít hoặc không ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của các em. Gia đình là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của mỗi cá nhân bởi lẽ hầu như tất cả những cách cư xử, giao tiếp, cách thể hiện bản thân, cách sống hòa đồng với người khác... đều được lĩnh hội từ trong giáo dục gia đình, và ngay từ khi còn rất nhỏ, nó như đã ăn sâu vào trong tiềm thức của các em. Sự giáo dục của gia đình và nhà trường là hai yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc bồi dưỡng, hình thành và phát triển trí tuệ cảm xúc. Nghiên cứu của Trương Thị Khánh Hà cũng chứng minh: trí tuệ cảm xúc có mối tương quan thuận và khá chặt chẽ với cảm nhận về quan hệ gia đình và quan hệ bạn bè ($r = 0,33$ và $r = 0,47$, với $p < 0,001$). Điều này chứng tỏ trẻ có trí tuệ cảm

xúc càng cao thì mối quan hệ gia đình và quan hệ bạn bè càng tốt đẹp và ngược lại [14]. Tuy nhiên, đối với sinh viên, sự giáo dục từ gia đình là yếu tố ảnh hưởng quá khứ, bởi các em đã phần hiện sống tách biệt gia đình vì vậy để nâng EQ của sinh viên phải tìm các nguyên nhân yếu tố khác.

- Xếp vị trí thứ hai là nguyên nhân nhu cầu, mong muốn nâng cao trí tuệ cảm xúc, trong đó có 24,8% và 48,4% sinh viên đánh giá nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức độ rất nhiều và nhiều; chỉ có 4,6% và 1,5% sinh viên nhận định nguyên nhân này ảnh hưởng ở mức độ ít và không ảnh hưởng. Điều này cho thấy muốn nâng cao trí tuệ cảm xúc của sinh viên thì trước tiên phải tác động vào nhu cầu, mong muốn của các em, tạo sự hứng thú, tạo động cơ thôi thúc để các em có thể tự rèn luyện và phát triển trí tuệ cảm xúc cho bản thân.

- Xếp vị trí nguyên nhân ảnh hưởng thứ 3 đến sự phát triển trí tuệ là sự tích cực, chủ động tham gia các hoạt động có tính tập thể ở trường, xã hội. Cùng với nhu cầu mong muốn nâng cao EQ của bản thân thì tính tích cực hoạt động của chính cá nhân là yếu tố quyết định trực tiếp sự phát triển trí tuệ cảm xúc của cá nhân đó. Những tiềm năng trí tuệ của cá nhân có được phát huy hay không là tùy thuộc vào tính chất hoạt động, khai thác của cá nhân đó. Trí tuệ cảm xúc cao hay thấp chủ yếu do hoạt động và giao lưu của cá nhân với môi trường xã hội. Vì vậy ngay với môi trường tập thể tốt, mỗi sinh viên vẫn cần tích cực chủ động tham gia các hoạt động thì EQ bản thân mới được nâng cao.

Như vậy, theo đánh giá của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy thì trong nhóm các nguyên nhân có ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của các em ở mức cao thì nguyên nhân từ gia đình là quan trọng nhất, kế đến là từ bản thân.

- Nguyên nhân được cho là ảnh hưởng ít nhất đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của sinh viên đại học điều dưỡng chính quy là nghề nghiệp của cha mẹ, kế đến là nguyên nhân di truyền từ cha mẹ. Chỉ có 18% sinh viên cho rằng nghề nghiệp của cha mẹ ảnh hưởng đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của các em ở mức nhiều và rất nhiều.

- Khi xem xét ở góc độ các nguyên nhân chủ quan (từ nguyên nhân số 1 đến 7) và các nguyên nhân khách quan (từ nguyên nhân số

8 đến 15), chúng tôi thấy rằng các nguyên nhân này có mức độ ảnh hưởng gần tương đương nhau, đan xen lẫn nhau khi xếp vị trí thứ bậc. Như vậy, đối với sinh viên Đại học Điều dưỡng Nam Định, hầu như các nguyên nhân chủ quan và khách quan đều có tác động đến sự phát triển TTCX của các em ở mức độ tương đương nhau. Bởi lẽ để sinh viên thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu nghề nghiệp nhằm khẳng định và hoàn thiện bản thân, thì cần có sự định hướng và chỉ dẫn từ nhà trường và gia đình.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Thu Mai ở sinh viên Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh với bộ câu hỏi như trên, cũng cho kết quả tương tự như nghiên cứu của chúng tôi: nhóm các nguyên nhân được đánh giá là có ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của các em ở mức cao nhất là giáo dục gia đình; xếp vị trí thứ 2 là nguyên nhân từ nhu cầu, mong muốn nâng cao TTCX; xếp vị trí thứ 3 là sự ảnh hưởng từ hoàn cảnh sống. Nguyên nhân ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của SV ĐHSP TPHCM thì nghề nghiệp của cha mẹ là có ảnh hưởng ở mức thấp nhất [3].

5. Kết luận

- Điểm EQ trung bình của sinh viên đại học chính quy trường đại học điều dưỡng Nam Định là 17,3 với độ sai lệch chuẩn là 3,73. Phân loại EQ mức trung bình chiếm 78,1%; tỷ lệ kém chiếm 4,3%, mức cao chiếm 17,6%.

- Phân loại EQ theo khóa: Giá trị trung bình EQ của sinh viên năm 1-4 từ 16,1 đến 17,8 điểm. EQ của nhóm sinh viên năm thứ tư cao nhất (17,8) và thấp nhất là nhóm sinh viên năm ba (16,1). Sự khác biệt về EQ giữa các năm có ý nghĩa thống kê với $p = 0,013$.

- Phân loại EQ theo thành tố cảm xúc: Năng lực nhận thức và bày tỏ cảm xúc (điểm trung bình 13,1) tốt hơn năng lực thấu hiểu và quản lý cảm xúc bản thân (điểm trung bình 4).

- Các nguyên nhân được đánh giá là có ảnh hưởng đến sự phát triển TTCX của sinh viên ở mức cao nhất là giáo dục gia đình; xếp vị trí thứ 2 là nguyên nhân từ nhu cầu, mong muốn nâng cao TTCX; xếp vị trí thứ 3 là tích cực, chủ động tham gia các hoạt động có tính tập thể ở trường, xã hội. Nguyên nhân được cho là ảnh hưởng ít nhất đến sự phát triển trí tuệ cảm xúc của sinh viên là nghề nghiệp của cha mẹ, kế đến là nguyên nhân di truyền từ cha mẹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/REFERENCES

- [1]. D. Goleman (P. T., M. P., P. L. translate), *Emotional intelligence applied at work*, Knowledge, Hanoi, 2007.
- [2]. T. B. Berry, and J. Greaves (X. V. Uong, D. K. Tran translate), *Intelligent emotions 2.0 (Improve EQ for happiness and success)*, Women's Publishing House, Hanoi, 2012.
- [3]. T. T. M. Tran, "Surveying emotional intelligence of students at Ho Chi Minh City University of Education," *Journal of Science - HCMC University of Education*, vol. 48, pp. 76-86, 2013.
- [4]. N. Q. D. Nguyen, "Surveying emotional intelligence of students of Education at Saigon University through MSCEIT test," *Journal of Saigon University*, vol. 12, pp. 86-94, 2012.
- [5]. T. N. Phan, "The level of intelligence and emotional intelligence of students of Dong Thap University of Education," *Journal of Psychology*, vol. 4, no. 97, pp. 38-45, 2007.
- [6]. T. H. Y. Duong, *Emotional intelligence of Primary teachers*, M.S. thesis in psychology, Institute of Psychology - Vietnam Academy of Social Sciences, 2010.
- [7]. K. Tran et al, *Research develop intelligence (IQ, EQ, CQ) of students and young workers to meet the requirements of industrialization and modernization*, Report on research results of the State-level Science and Technology project MS KX05-06, 2004.
- [8]. T. H. Nguyen, *Situation of personality and emotional intelligence of Dentistry students, Preventive medicine at Hai Phong University of Medicine and Pharmacy in 2014*, Public health, Hai Phong University of Medicine and Pharmacy, 2014.
- [9]. T. S. Phan, *Surveying EQ emotion index and the relationship with the learning outcomes of Nursing students at Duy Tan University*, The 19th Conference of Youth Science and Technology at Universities, Colleges of Medicine and Pharmacy in Vietnam, 2018.
- [10]. T. T. H. Nguyen, *Some high neurological activity indicators of students of Quang Minh High School in Me Linh District, Hanoi City*, M.S. thesis in biology, Hanoi Pedagogical University 2, 2013.
- [11]. R. Bar-On, "The Bar-On model of Emotional Social Intelligence (ESI)," *Psicothema*, vol. 18, pp. 13-25, 2006.
- [12]. J. Mayer, D. R. Caruso and P. Salovey, *What is emotional intelligence? Emotional development and emotional intelligence*, Educational implications, Basic Book, New York, 1997.
- [13]. H. A. Ibrahim et al, "Relationship Between Nursing Students' Emotional Intelligence and Their Clinical Performance During Obstetrics and Gynaecologic Nursing Practical Training," *American Journal of Nursing Science*, vol. 5, no. 6, pp. 240-250, 2016.
- [14]. T. K. H. Truong, and T. T. V. Nguyen, "Emotional intelligence and relationships," *VNU Journal of Science*, vol. 31, no. 1, pp. 20-28, 2015.